

Số: *961* /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày *30* tháng 03 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết
của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND cấp huyện,
UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1724/QĐ-LĐTBXH ngày 24/11/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 847/QĐ-LĐTBXH ngày 09/6/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực trẻ em thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 1938/QĐ-LĐTBXH ngày 31/12/2015; Quyết định số 101/QĐ-LĐTBXH ngày 22/01/2016; Quyết định số 1266/QĐ-LĐTBXH ngày 28/9/2016; Quyết định số 1593/QĐ-LĐTBXH ngày 10/10/2017; Quyết định số 1789/QĐ-LĐTBXH ngày 13/12/2018; Quyết định số 220/QĐ-LĐTBXH ngày 27/02/2019; Quyết định số 596/QĐ-LĐTBXH ngày 25/4/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 1632/QĐ-LĐTBXH ngày 06/11/2015; Quyết định số 487/QĐ-LĐTBXH ngày 04/4/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực quản lý lao động ngoài nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 1872/QĐ-LĐTBXH ngày 04/12/2017; Quyết định số 2117/QĐ-LĐTBXH ngày 29/12/2017; Quyết định số 1380/QĐ-LĐTBXH ngày 09/10/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 1685/QĐ-LĐTBXH ngày 23/11/2018; Quyết định số 632/QĐ-LĐTBXH ngày 04/5/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố các thủ tục hành chính lĩnh vực việc làm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 1255/QĐ-LĐTBXH ngày 11/8/2017; Quyết định số 636/QĐ-LĐTBXH ngày 05/5/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực lao động, tiền lương thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 1734/QĐ-LĐTBXH ngày 25/11/2015; Quyết định số 1025/QĐ-LĐTBXH ngày 03/8/2016; Quyết định số 902/QĐ-LĐTBXH ngày 24/6/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố công bố thủ tục hành chính lĩnh vực người có công thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 1362/QĐ-LĐTBXH ngày 13/10/2016; Quyết định số 1775/QĐ-LĐTBXH ngày 26/12/2016; Quyết định số 645/QĐ-LĐTBXH ngày 08/5/2017; Quyết định số 1613/QĐ-LĐTBXH ngày 13/11/2018; Quyết định số 391/QĐ-LĐTBXH ngày 22/3/2019; Quyết định số 981/QĐ-LĐTBXH ngày 10/7/2019; Quyết định số 2020/QĐ-LĐTBXH ngày 31/12/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 39/TTr-LĐTBXH ngày 24/02/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Bộ thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được sửa đổi/bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành lao động – thương binh và xã hội, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai (*danh mục & nội dung thủ tục đính kèm*).

Trường hợp thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ thì áp dụng thực hiện theo văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, trong đó có một số thủ tục hành chính được ban hành mới; thủ tục hành chính được sửa đổi/bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ như sau:

1. Ban hành mới 25 thủ tục (23 thủ tục cấp tỉnh; 02 thủ tục cấp huyện), cụ thể như sau:

a) Cấp tỉnh:

- Lĩnh vực Việc làm - An toàn lao động: 02 thủ tục

+ Thủ tục số 21: Hỗ trợ kinh phí đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp; khám bệnh nghề nghiệp; chữa bệnh nghề nghiệp; phục hồi chức năng lao động cho người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (TNLĐ, BNN).

+ Thủ tục số 22: Hỗ trợ kinh phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho doanh nghiệp.

- Lĩnh vực Quản lý lao động ngoài nước: 02 thủ tục

+ Thủ tục số 24: Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập thời hạn dưới 90 ngày.

+ Thủ tục số 25: Đề nghị tất toán tài khoản ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi thực tập nâng cao tay nghề dưới 90 ngày.

- Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp: 12 thủ tục

+ Thủ tục số 34: Cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài.

+ Thủ tục số 36: Chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và phân hiệu của trường trung cấp tư thục trên địa bàn.

+ Thủ tục số 37: Giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài.

+ Thủ tục số 38: Đổi tên trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

+ Thủ tục số 39: Cho phép hoạt động liên kết đào tạo trở lại đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp

+ Thủ tục số 40: Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục hoạt động không vì lợi nhuận.

+ Thủ tục số 41: Công nhận trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục, trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận.

+ Thủ tục số 42: Thành lập hội đồng trường, bổ nhiệm chủ tịch, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

+ Thủ tục số 43: Miễn nhiệm chủ tịch, các thành viên hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

+ Thủ tục số 44: Cách chức chủ tịch, các thành viên hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

+ Thủ tục số 45: Thành lập hội đồng quản trị trường trung cấp tư thục.

+ Thủ tục số 46: Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Lĩnh vực Lao động – Tiền lương và Quan hệ lao động: 05 thủ tục

+ Thủ tục số 56: Cấp Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động

+ Thủ tục số 57: Gia hạn Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động

+ Thủ tục số 58: Cấp lại Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động

+ Thủ tục số 59: Thu hồi Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động

+ Thủ tục số 60: Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động

- Lĩnh vực Người có công: 01 thủ tục

Thủ tục số 91: Hồ sơ, thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến được tặng huân chương, huy chương chết trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi.

- Lĩnh vực Bảo trợ xã hội, giảm nghèo: 01 thủ tục

Thủ tục số 95: Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

b) Cấp huyện:

- Lĩnh vực Bảo trợ xã hội, giảm nghèo: 01 thủ tục

Thủ tục số 9: Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, theo Quyết định số 1593/QĐ-LĐTBXH ngày 10/10/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ về lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của bộ lao động - thương binh và xã hội.

- Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp: 01 thủ tục

Thủ tục số 21: Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh.

2. Sửa đổi tên lĩnh vực, tên thủ tục cụ thể như sau:

a) Sửa đổi tên 04 lĩnh vực ở 3 cấp, cụ thể như sau:

- Sửa đổi tên Lĩnh vực Lao động - Tiền lương và Bảo hiểm xã hội **thành** Lĩnh vực Lao động - Tiền lương và Quan hệ lao động.

- Sửa đổi tên Lĩnh vực Dạy nghề **thành** Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp.

- Sửa đổi tên Lĩnh vực Bảo trợ xã hội **thành** Lĩnh vực Bảo trợ xã hội, giảm nghèo.

- Sửa đổi tên Lĩnh vực Giảm nghèo **thành** Lĩnh vực Bảo trợ xã hội, giảm nghèo.

b) Sửa đổi tên 02 thủ tục cấp tỉnh, cụ thể như sau:

- **Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp:** Sửa đổi tên thủ tục “Thủ tục cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài” **thành** “Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận”

- **Lĩnh vực Việc làm - an toàn lao động:** Sửa đổi tên thủ tục “Khai báo với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội địa phương khi đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về vật tư lao động” **thành** “Khai báo với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội địa phương khi đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động”.

c) Sửa đổi nội dung 01 thủ tục cấp huyện sau:

Thủ tục số 20: Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài.

3. Bãi bỏ 05 thủ tục (04 thủ tục cấp tỉnh và 01 thủ tục cấp huyện), cụ thể như sau:

a) Cấp tỉnh:

- **Lĩnh vực Bảo trợ xã hội:** Bãi bỏ 01 thủ tục Gia hạn quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật.

- **Lĩnh vực Việc làm – an toàn lao động:** Bãi bỏ 01 thủ tục Hỗ trợ chi phí huấn luyện thông qua Tổ chức huấn luyện cho người lao động ở khu vực không có hợp đồng lao động.

- **Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp:** Bãi bỏ 02 thủ tục

+ Thủ tục Cho phép mở phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài (trong cùng một tỉnh, thành phố với trụ sở chính của trường trung cấp).

+ Thủ tục Cho phép mở phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài (tại các tỉnh, thành phố khác với tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở chính của trường trung cấp).

b) Cấp huyện:

- **Lĩnh vực Việc làm - an toàn lao động:** Bãi bỏ 01 thủ tục Hỗ trợ chi phí huấn luyện trực tiếp cho người lao động ở khu vực không có hợp đồng lao động.

Điều 3. Quyết định này thay thế Quyết định số 1244/QĐ-UBND ngày 25/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc công bố Bộ thủ tục hành

chính thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành lao động - thương binh và xã hội tỉnh Đồng Nai.

Điều 4. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; UBND cấp huyện, thành phố Biên Hòa, thành phố Long Khánh; UBND cấp xã; Trung tâm hành chính công tỉnh có trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai các thủ tục hành chính này tại trụ sở làm việc của đơn vị.

Văn phòng UBND tỉnh phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cập nhập nội dung thủ tục hành chính đã được công bố lên Cơ sở dữ liệu quốc gia. Đồng thời, in ấn, photo đóng thành quyển các thủ tục hành chính đã được công bố, phát hành đến các đơn vị theo thành phần nơi nhận của Quyết định này.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Trung tâm hành chính công tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa; Chủ tịch UBND các xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (VPCP);
- Bộ LĐTBXH;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Đài Phát thanh truyền hình Đồng Nai;
- Báo Đồng Nai;
- Trung tâm kinh doanh VNPT (TĐ 1022);
- Lưu: VT, KGVX, HCC, Cổng TTĐT tỉnh.



CHỦ TỊCH

Cao Tiến Dũng



**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI CỦA
NGÀNH LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI,
UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ TỈNH ĐỒNG NAI**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 961 /QĐ-UBND ngày 30/03/2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

Phần I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Trang
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH	
I	Lĩnh vực Việc làm - an toàn lao động	
1	Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	
2	Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	
3	Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động	
4	Cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	
5	Cấp lại giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	
6	Gia hạn giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	
7	Giải quyết hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động	
8	Giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp	
9	Tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp	
10	Tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp	
11	Chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp	
12	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đi)	
13	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đến)	
14	Giải quyết hỗ trợ học nghề	
15	Hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm	
16	Thông báo về việc tìm việc làm hằng tháng	

17	Khai báo với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội địa phương khi đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động	
18	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài	
19	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập)	
20	Gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, đổi tên Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập)	
21	Hỗ trợ kinh phí đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp; khám bệnh nghề nghiệp; chữa bệnh nghề nghiệp; phục hồi chức năng lao động cho người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (TNLD, BNN)	
22	Hỗ trợ kinh phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho doanh nghiệp	
II	Lĩnh vực Quản lý lao động ngoài nước	
23	Đăng ký Hợp đồng cá nhân	
24	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập thời hạn dưới 90 ngày	
25	Đề nghị tất toán tài khoản ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi thực tập nâng cao tay nghề dưới 90 ngày	

III	Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp	
26	Thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	
27	Chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	
28	Giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	
29	Đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	
30	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp, doanh nghiệp	
31	Cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp, doanh nghiệp	
32	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp	
33	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận	
34	Cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài	
35	Chia, tách, sáp nhập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	
36	Chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và phân hiệu của trường trung cấp tư thực trên địa bàn	

37	Giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài	
38	Đổi tên trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	
39	Cho phép hoạt động liên kết đào tạo trở lại đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp	
40	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tự thực hoạt động không vì lợi nhuận	
41	Công nhận trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tự thực, trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận	
42	Thành lập hội đồng trường, bổ nhiệm chủ tịch, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện	
43	Miễn nhiệm chủ tịch, các thành viên hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện	
44	Cách chức chủ tịch, các thành viên hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện	
45	Thành lập hội đồng quản trị trường trung cấp tự thực	
46	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	
IV	Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội	
47	Cấp giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	
48	Cấp lại giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	
49	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	
50	Gia hạn giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	
51	Đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân	
52	Nghỉ chịu tang của học viên tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội (Cơ sở Điều trị nghiện ma túy Đồng Nai)	

V	Lĩnh vực Lao động - Tiền lương và quan hệ lao động	
53	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp	
54	Phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao thực hiện, quỹ tiền thưởng thực hiện năm trước và quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố làm chủ sở hữu	
55	Xếp hạng công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố làm chủ sở hữu(hạng Tổng công ty và tương đương, hạng I, hạng II, hạng III)	
56	Cấp Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	
57	Gia hạn Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	
58	Cấp lại Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	
59	Thu hồi Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	
60	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động	
VI	Lĩnh vực Người có công	
61	Giải quyết chế độ đối với thương binh đồng thời là người hưởng chế độ mất sức lao động	
62	Hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần	
63	Giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng cho thân nhân khi người có công với cách mạng từ trần	
64	Hưởng lại chế độ ưu đãi đối với người có công hoặc thân nhân trong các trường hợp: - Bị tạm đình chỉ chế độ do bị kết án tù đã chấp hành xong hình phạt tù; - Bị tạm đình chỉ do xuất cảnh trái phép nay trở về nước cư trú; - Đã đi khỏi địa phương nhưng không làm thủ tục di chuyển hồ sơ nay quay lại đề nghị tiếp tục hưởng chế độ; - Bị tạm đình chỉ chế độ chờ xác minh của cơ quan điều tra.	
65	Giải quyết chế độ đối với thân nhân liệt sĩ	
66	Giải quyết chế độ trợ cấp đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ đi lấy chồng hoặc vợ khác	

67	Giải quyết chế độ đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến	
68	Giải quyết chế độ đối với thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	
69	Giám định vết thương còn sót	
70	Giải quyết chế độ đối với thương binh đồng thời là bệnh binh	
71	Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	
72	Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	
73	Giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày	
74	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	
75	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	
76	Sửa đổi thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công	
77	Di chuyển hồ sơ người có công với cách mạng	
78	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	
79	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng	
80	Giám định lại thương tật do vết thương cũ tái phát và điều chỉnh chế độ	
81	Thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế, người có công giúp đỡ cách mạng đã chết	
82	Xác nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với người bị thương không thuộc lực lượng công an, quân đội trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ	
83	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	
84	Đính chính thông tin trên bia mộ liệt sĩ	
85	Lập Sổ theo dõi và cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình	

86	Thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ	
87	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	
88	Hỗ trợ, di chuyển hài cốt liệt sĩ	
89	Cấp bằng “Tổ quốc ghi công” đối với những trường hợp thân nhân liệt sĩ đã được giải quyết chế độ ưu đãi trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 nhưng chưa được cấp Bằng	
90	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Cam – pu – chia	
91	Hồ sơ, thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến được tặng huân chương, huy chương chết trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi	
VII	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội	
92	Quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật	
93	Tiếp nhận đối tượng là người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn vào các cơ sở trợ giúp trẻ em	
94	Đưa đối tượng ra khỏi cơ sở trợ giúp trẻ em	
95	Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	
96	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	
97	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	
98	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	

99	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp	
100	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh	
101	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh	
102	Tiếp nhận đối tượng tự nguyện vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh	
103	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh	
B	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH, HUYỆN, XÃ	
I	Lĩnh vực Bảo vệ chăm sóc trẻ em và Bình đẳng giới	
1	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	
2	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	
C	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN	
I	Lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội	
1	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	
II	Lĩnh vực Lao động-Tiền lương và quan hệ lao động	
2	Gửi thang lương, bảng lương, định mức lao động của doanh nghiệp	
III	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội, giảm nghèo	
3	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	
4	Thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	
5	Thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	
6	Hỗ trợ kinh phí nhận nuôi dưỡng, chăm sóc đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	
7	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng)	

8	Trợ giúp xã hội đột xuất đối với người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc	
9	Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	
10	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	
11	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	
12	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền cấp phép của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	
13	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp	
14	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	
15	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	
16	Tiếp nhận đối tượng tự nguyện vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	
17	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	
IV	Lĩnh vực Người có công	
18	Cấp giấy giới thiệu đi thăm viếng mộ liệt sĩ và hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sĩ	
19	Thủ tục hỗ trợ người có công đi làm phương tiện, dụng cụ trợ giúp chỉnh hình; đi điều trị phục hồi chức năng	
V	Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp	
20	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	
21	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh	
D	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ	
I	Lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội	

1	Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình	
2	Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng	
II	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội, giảm nghèo	
3	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	
4	Cấp đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	
5	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	
6	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ chi phí mai táng	
7	Xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016-2020 thuộc diện đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế	
8	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	
9	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh trong năm	
10	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm	
III	Lĩnh vực Bảo vệ - chăm sóc trẻ em và Bình đẳng giới	
11	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	
12	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	
13	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình	
14	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	
IV	Lĩnh vực Người có công	
15	Xác nhận vào đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ; đơn đề nghị thăm viếng mộ liệt sĩ	
16	Ủy quyền hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi	